

# TRÍ THỨC VÀ VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

HỒ SĨ QUÝ<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Trong lịch sử, trí thức Việt Nam đã góp phần to lớn tạo nên sức mạnh Việt Nam, bản sắc Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay, khi đánh giá về đội ngũ trí thức, dư luận xã hội thường có cái nhìn đôi khi chưa đúng, phiến diện. Thực tế cho thấy, hơn nửa thế kỉ qua, trí thức Việt Nam đã có những đóng góp không thể thay thế trong việc đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; hầu hết trí thức đều có những sản phẩm trí tuệ không chỉ nâng cao dân trí mà còn trực tiếp tạo ra sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua lao động chuyên ngành; sản phẩm của nền kinh tế đất nước ngày nay chủ yếu là sản phẩm có hàm lượng trí thức.

Tuy nhiên, trí thức Việt Nam hôm nay cũng còn nhiều hạn chế, thậm chí sai lầm. Người say mê với những sáng tạo lớn, những kết quả nghề nghiệp có giá trị lâu bền không nhiều. Và không phải trí thức nào cũng sống và hành động theo tinh thần của cha ông - sẵn sàng chịu trách nhiệm về mọi bất công trong xã hội.

Sẽ rất khó phát triển như kì vọng nếu đội ngũ trí thức không nhanh chóng khắc phục những nhược điểm của mình, nếu môi trường mà đội ngũ trí thức được sống, làm việc và cống hiến không nhanh chóng tốt đẹp hơn hiện nay.

Xã hội sẽ khác, nếu giới trí thức kém đam mê sáng tạo và khát vọng phát triển.

**Từ khóa:** trí thức Việt Nam, phẩm chất trí tuệ, trách nhiệm xã hội.

**Abstract:** Historically, Vietnamese intellectuals have contributed considerably to forming Vietnamese strength and Vietnamese identity. However, nowadays, public opinion often has an incorrect and one-sided view when evaluating intellectuals. It is seen from the reality that over the past half century, Vietnamese intellectuals have made irreplaceable contributions to the training of human resources, especially high-quality human resources; Most intellectuals have intellectual products, which not only improve people's knowledge but also directly create socio-economic development through specialized labor; The products of the country's economy today are mainly products with knowledge content.

However, Vietnamese intellectuals today still have many limitations and even mistakes. There are not many people who are fascinated with great creations and career results of lasting value. And not every intellectual lives and acts in the spirit of their ancestors - which is ready to take responsibility for all injustices in society.

It will be difficult to develop as expected if the intellectuals do not quickly overcome their shortcomings, and if the environment in which the intellectuals live, work and contribute does not quickly become better than it is today.

Society would be different if intellectuals had less passion for creativity and desire for development.

**Keywords:** Vietnamese intellectuals, Intellectual Integrity, Social Responsibility.

**Ngày nhận bài:** 27/3/2023; **ngày gửi phản biện:** 28/3/2023; **ngày duyệt đăng bài:** 02/6/2023.

---

<sup>(\*)</sup> Ủy viên Hội đồng lí luận Trung ương; Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

## 1. Về nội hàm cơ bản của khái niệm trí thức

Rất nhiều tài liệu khẳng định, khái niệm “Trí thức” (Smartia - tiếng Latin; Интеллектуалы, Intellectual) xuất hiện tại Pháp khi các học giả nổi tiếng, mà đứng đầu là nhà văn Émile Zola vào năm 1898 cùng kí tên vào bản kháng nghị có tên “J'accuse...! Lettre au President de la Republique” về việc Tòa án xử oan đại úy Alfred Dreyfuss về tội phản quốc. Suốt từ năm 1898 đến năm 1906, xã hội Pháp sôi động và chia rẽ về sự kiện này. Năm 1906, sau khi Alfred Dreyfuss được minh oan, thủ tướng Pháp Clemenceau đã gọi bản kháng nghị này là “Tuyên ngôn của giới Trí thức” (Manifeste Des Intellectuels). Vậy là, khái niệm trí thức (Intellectuel) trước đó chưa hề có trong từ điển như Larousse 1866 - 1878 hay La Grande Encyclopédie 1885 - 1902 mà nó lại xuất hiện trong một sự kiện chống bất công và được xã hội thừa nhận (Wrona, 2021, tr. 771 - 743; Intellectuel-in Larousse).

Cũng từ đây, xu hướng phản ứng chống lại bất công, lạc hậu và phi lí, v.v. đã trở thành truyền thống của giới trí thức trên toàn thế giới.

Thực ra, từ khá lâu trước đó, thuật ngữ *trí thức*, *giới trí thức* đã được biết đến trong các bối cảnh chính trị khác nhau như ở Ý, Đức, Nga, Ba Lan, v.v. Ở các nước này đều có những luận thuyết khẳng định khái niệm *trí thức* xuất hiện lần đầu tiên trong tiếng Đức, tiếng Nga hoặc trong tiếng Ba Lan, v.v. chứ không phải ở những ngôn ngữ khác. Xuất xứ của thuật ngữ Intellectuel này đến nay vẫn còn gây tranh cãi.

Mặc dù khái niệm và quan điểm về “Trí thức” vẫn được hiểu thường không giống nhau trong các tình huống chính trị - xã hội cụ thể ở các xã hội<sup>1</sup>. Nhưng từ cuối thế kỉ XIX, sau những tranh luận tương đối gay gắt của giới trí thức châu Âu thì khái niệm này (Trí thức và Giới trí thức) trong hầu hết các quan niệm dần được hiểu là dùng để chỉ những người có những phẩm chất đặc trưng như sau:

- Lao động trí óc, sản phẩm của lao động trí óc là trí tuệ (hay trước hết và chủ yếu là trí tuệ; chứ không phải là sản phẩm phái sinh của trí tuệ).

- Có khả năng cung cấp cho xã hội một cái nhìn sáng suốt, hợp thời và toàn diện về thế giới, về xã hội và tiến bộ xã hội.

<sup>1</sup> Huân tước B.Russell coi trí thức là những người “có can đảm từ chối phục tùng và không cố gắng cho bất kì một sự thống trị nào” (Russel, 1957, tr. 19). Nhà tư tưởng người Pháp Raymon Aron thì xác định “Trí thức là người của tư tưởng và là người của khoa học” (Aron, 2005, tr. 187). E. Shiels, nhà xã hội học nổi tiếng về trí thức tại Đại học Chicago (Mĩ), nhận định: “Một tầng lớp trí thức thuần khiết nhất thường luôn khép kín với các trung tâm quyền lực chính trị hay xã hội” (Shils, 1970). Thomas William Heyck, GS. lịch sử, trường Đại học Northwestern (Anh), cho rằng: “Trí thức là một nhóm người đặc biệt biết tự ý thức và có cảm giác chung về tính ưu việt, sự tha hóa và tính cô lập” (Heyck, 1982, tr. 271.). S.M. Lipset, nhà xã hội học nổi tiếng, nguyên Chủ tịch Hiệp hội khoa học chính trị Mĩ, coi những người trí thức, do say mê sáng tạo, nên có xu hướng phủ định truyền thống và những điều đã được khẳng định, họ tung ra “thách thức đối với tất cả những gì đã được xã hội chấp nhận và chia sẻ rộng rãi điều đó” (Lipset, 1972, tr. 164), v.v.. D.S. Likhachev, Viện sĩ nổi tiếng Liên Xô và thế giới coi “Trí thức là người đứng đắn về tinh thần” (Интеллигент – человек, обладающий умственной порядочностью)... Theo ông, “nguyên tắc cơ bản của trí thức là tự do trí tuệ. Trí thức chỉ không tự do với lương tâm và với tư tưởng của mình” (Основной принцип интеллигентности - интеллектуальная свобода. Не свободен интеллигентный человек только от своей совести и от своей мысли). (Лихачев, 1993).

- Có niềm tin sâu sắc vào các giá trị của con người, đặc biệt là giá trị tự do và dũng cảm theo đuổi điều mà họ coi là chân lí.

- Mẫn cảm với lẽ phải, công bằng và quyền lực xã hội.

- Thường không dễ tuân phục quyền lực.

- Biết tỏ thái độ và sẵn sàng tỏ thái độ với bất cứ điều gì được coi là lạc hậu và phi lí.

Cốt lõi của vấn đề là ở chỗ, với tầm nhìn sâu rộng, với đặc trưng nghề nghiệp lao động trí óc và phẩm cách tự trọng cá nhân, v.v. trí thức luôn là những người mẫn cảm với lẽ phải xã hội, với bất công và tiến bộ xã hội, luôn quan tâm đến cuộc sống xã hội xung quanh mình, có trách nhiệm rất cao và sâu sắc về các vấn đề xã hội. Trí thức trên thế giới đều là những người như vậy - tự cho mình là có trách nhiệm làm cho xã hội tốt lên, nên thường bị coi là những người “nhúng mũi vào chuyện của người khác” (“The Intellectual is someone who meddles in what does not concern him”) như Jean P. Sartre đã nhận định (Sartre, 1989, tr. 588).

Như vậy, dù được hiểu hoặc được nhấn mạnh ở khía cạnh nào, thì nội dung hàng đầu của khái niệm trí thức - đều có trong tất cả các quan niệm về trí thức, vẫn là *trách nhiệm xã hội của trí thức đối với tiến bộ xã hội*. Đáng lưu ý là, tư tưởng này đã có từ lâu trong quan niệm truyền thống ở Việt Nam - “Quốc gia phể hưng, thất phu hữu trách” (Cổ Viêm Vũ, xem: Huỳnh Chương Hưng, 2015).

Trách nhiệm xã hội - một trong những nội hàm cơ bản của khái niệm *trí thức*. Dĩ nhiên, trách nhiệm xã hội được hiểu từ cả hai phía, từ phía xã hội và từ phía trí thức, giới trí thức.

## 2. Về một số bài học lịch sử

(i) Theo tác giả, trong lịch sử, Việt Nam sử dụng trí thức giỏi nhất là vào thời Minh mệnh (1820 - 1841).

Biết cách trọng dụng và cả trừng phạt trí thức, vua Minh Mệnh đã thành công với rất nhiều cải cách từ tổ chức lại hệ thống chính trị trung ương và hành chính địa phương, xác lập chủ quyền lãnh thổ thống nhất Việt Nam, cải cách nội trị và ngoại giao, v.v.. Những tên tuổi trí thức thời Minh Mệnh ngày nay vẫn được sử sách nhắc tới và ghi công là Phan Huy Chú, Trương Đăng Quế, Hà Tông Quyền, Thân Văn Quyền, Phan Bá Đạt, Phan Huy Thực, Nguyễn Khoa Minh, Vũ Xuân Cẩn, Nguyễn Công Trứ, Phan Thanh Giản, Lê Đăng Doanh, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Quýnh, Lê Đại Cương, Doãn Uẩn, Lý Văn Phức, Hà Quyền, v.v. đây là những người để lại dấu ấn cực kì quan trọng trong tiến trình lịch sử dân tộc (Vũ Đức Liêm, 2018).

Thực tế này giải thích, tại sao đây cũng là thời kì Việt Nam thịnh trị nhất trong lịch sử quân chủ phong kiến và cả trong so sánh với các nước lân bang. Riêng việc thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa thể hiện trên hàng trăm văn khố, châu bản còn lưu giữ đến ngày nay, việc quản lí Hoàng Sa vào thời Minh Mệnh đã được thực hiện hàng năm với các hoạt động đo vẽ bản đồ, cắm mốc hải giới, trồng cây, xây miếu thờ trên đảo, v.v. “Đại Nam thống nhất toàn đồ” vẽ năm 1834 - 1838, là bản đồ đầu tiên của Việt Nam có đủ các vùng lãnh thổ và hải đảo như ngày nay. Thời kì này, lãnh thổ Việt Nam rộng gấp 1,7 lần hiện nay (Trần Hưng, 2021).

(ii) Nền khoa học cách mạng Việt Nam được ghi trong sử sách có lịch sử từ khi thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước, tổ chức tiền thân của tất cả các cơ quan khoa học Việt Nam ngày nay, theo Sắc lệnh số 016-SL ngày 04/3/1959 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, nếu nhắc đến thực lực nghiên cứu của giới khoa học Việt Nam thì không thể không kể đến giai đoạn trước đó, khi khoa học phương Tây có mặt tại Việt Nam.

Đầu thế kỉ XX, người Pháp ở Việt Nam chủ trương khám phá sâu hơn về phương Đông, đặc thù của văn hóa và con người Việt Nam đã được các học giả Pháp và Việt Nam chú ý nghiên cứu ở trình độ rất cao. Các khoa học xã hội và nhân văn (KHXH và NV) Pháp lúc đó, đặc biệt sử học, dân tộc học, khảo cổ học, tôn giáo học, ngôn ngữ học, v.v. được coi là dẫn đầu châu Âu.

Viện Viễn Đông bác cổ (École française d'Extrême-Orient - EFEO) được thành lập tại Sài Gòn năm 1900, chuyển ra Hà Nội năm 1902 và là tiền thân của tất cả 18 trung tâm EFEO tại 13 quốc gia hiện nay. EFEO nghiên cứu rất sâu về văn hóa, con người Việt Nam và đã để lại những kết quả khoa học và văn hóa có ý nghĩa nền tảng vô cùng giá trị đối với các thế hệ sau, mà đến nay ở một số lĩnh vực, giới nghiên cứu KHXH và NV cũng chưa tiến xa hơn được bao nhiêu. Chẳng hạn, về các nền văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn, Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo, Champa, v.v.; những phát hiện về Tây Nguyên hay những khám phá về thánh địa Mỹ Sơn, bãi đá cổ SaPa, v.v.

Tạp chí nghiên cứu B'EFEO (Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient) khoảng 100 năm nay đã trở thành nguồn dữ liệu không thể thiếu trong danh mục tham khảo của các nghiên cứu về Việt Nam và khu vực châu Á. Trường Đại học Y Hà Nội được thành lập năm 1902. Viện Đại học Đông Dương (Université Indochinoise) được thành lập năm 1905 (gồm rất nhiều trường chuyên ngành, được thành lập từ năm 1905 đến năm 1941), sau này là Đại học Quốc gia Việt Nam. Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương thành lập năm 1924 là trung tâm mĩ thuật đầu tiên ở khu vực vè và sáng tạo theo các chuẩn mực phương Tây (Soạn theo: Bulletin de l'EFEO). Viện Hải dương học Đông Dương (Institut Océanographique de l'Indochine) thành lập năm 1922 tại Nha Trang. Đây là một trong những trung tâm nghiên cứu hải dương học ra đời sớm nhất và có hiện vật biển lớn nhất Đông Nam Á. Viện Hải dương học Nha Trang cũng là nơi có những nghiên cứu khảo cổ, địa chất, hải dương, v.v. sớm nhất ở Hoàng Sa và Trường Sa, đã có những đóng góp to lớn trong việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo này (Nguyễn Đức Hiệp, 2022). Những thiết chế khoa học này sớm đem đến cho giới trí thức Việt Nam *tinh thần khoa học, phương pháp luận nghiên cứu, tình yêu chân lí, phong cách sáng tạo và thái độ của giới trí thức đối với xã hội và đối với nhà cầm quyền*, v.v. những phẩm chất rất cơ bản và toàn cầu của trí thức (Hoàng Tuy, 2008).

Cùng với những viện nghiên cứu, trường đại học, bảo tàng, công trình, tác phẩm, v.v. rất giá trị về khoa học và văn hóa, nền khoa học Việt Nam thuộc Pháp hồi cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX còn để lại những tên tuổi lớn cho dù vì lí do gì thì lịch sử KHXH và NV Việt Nam (chứ không phải lịch sử KHXH và NV Pháp hay thế giới) không thể không ghi nhận.

Bên cạnh các học giả Pháp và châu Âu đầu thế kỉ XX<sup>2</sup> là thế hệ vàng của giới trí thức Việt Nam, những người đã trưởng thành trong khoa học nhờ hợp tác chặt chẽ với EFEO, nắm chắc các lí thuyết và vận dụng được các phương pháp Âu Tây trong nghiên cứu và hoạt động học thuật, khám phá đối tượng nghiên cứu là văn hóa và con người Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam được nghiên cứu theo các phương pháp, chuẩn mực phương Tây. Đó là những thành viên của EFEO, như Nguyễn Văn Huyền (1908 - 1975), Nguyễn Văn Khoan (1890 - 1975), Trần Hàm Tấn (1887 - 1957), Nguyễn Văn Tô (1889 - 1947), Trần Văn Giáp (1896 - 1973), Công Văn Trung (1907 - 2003), Nguyễn Thiệu Lưu (1916 - 1967). Và nhiều học giả khác không phải là thành viên EFEO như Đào Duy Anh (1904 - 1988), Hoàng Xuân Hãn (1908 - 1996), Cao Xuân Huy (1900 - 1983), Đặng Thai Mai (1902 - 1984), Hoài Thanh (1909 - 1982), Nam Sơn (1890 - 1973), Nguyễn Đỗ Cung (1912 - 1977), Lê Dư (1885 - 1957), v.v. (Ngô Thế Long, Trần Thái Bình, 2009, tr. 98 - 100).

Nhiều người trong số các học giả đó, về sau đã được Nhà nước Việt Nam tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh như Nguyễn Văn Huyền (2000), Đặng Thai Mai (1996), Đào Duy Anh (2000), Nguyễn Đỗ Cung (1996), Hoàng Xuân Hãn (2000), Trần Văn Giáp (2000), Cao Xuân Huy (1996), Hoài Thanh (2000), v.v.

(iii) Trong nền khoa học cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh được coi là lãnh tụ điển hình của việc thu hút trí thức, sử dụng nhân tài. Ngay từ khi còn hoạt động bí mật ở Pháp, Nga, Trung Quốc, Thái Lan, v.v. đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, hay khi cả nước tiến hành kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, v.v. rất nhiều nhân sĩ, trí thức tài ba đã được cảm hóa và thuyết phục để họ đem tài năng phục vụ Tổ quốc.

Sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trọng dụng những nhân sĩ, trí thức của chế độ trước như Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, v.v.;

<sup>2</sup> Pierre Dourisboure (1825 - 1890, một trong bốn linh mục đầu tiên lên Tây Nguyên năm 1850, người đã trực tiếp vẽ bản đồ và mô tả sử liệu chi tiết về phong tục tập quán của từng nhóm sắc tộc Tây Nguyên); Henri Maitre (1883 - 1914, nhà dân tộc học, một quan chức Pháp, đã trực tiếp thám hiểm Tây Nguyên 1909 - 1911 và nhờ đó để lại cho thế hệ sau cuốn sách *Rừng người Thượng* nổi tiếng); Leopond Cadriere (1869 - 1955, linh mục thuộc Hội Thừa sai truyền giáo Paris tại Huế và các tỉnh miền Trung, người đã công bố 250 công trình nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng và dân tộc học, ngôn ngữ, lịch sử, tôn giáo Việt Nam, một trong những người đặt nền móng cho ngành Việt Nam học hiện đại), Jacques Dournes (1922 - 1993, nhà truyền giáo trong Hội Thừa sai truyền giáo Paris tại vùng Đồng Nai thượng và Tây Nguyên, người đã công bố hơn 250 nghiên cứu về dân tộc Gia Rai); Jean Boulbet (1926 - 2007, cùng với Henri Maitre là hai nhà thám hiểm nổi tiếng nhất và đã để lại nhiều ghi chép giá trị về bản tính nguyên thủy của xã hội Tây Nguyên qua tác phẩm "Xứ người Mạ, lãnh thổ của Thần linh" xuất bản năm 1967; Loius Finot (1864 - 1935, Giám đốc đầu tiên của EFEO); George Coedés (1886-1969, Giám đốc EFEO sau L.Finot); Bà Madeliene Colani (1866 - 1943, tên tuổi gắn liền với những nền văn hóa Bắc Sơn, Hòa Bình, Hạ Long); Olov Jansé (1892 - 1985, người phát hiện nền văn hóa Đông Sơn); Loius Malleret (1901 - 1970, người phát hiện nền văn hóa Óc eo); Henri Parmentier (1871 - 1949, người có công lao to lớn trong nghiên cứu và bảo tồn văn hóa Champa, thánh địa Mỹ Sơn, các tháp Champa ở Nha Trang, bảo tàng Champa Đà Nẵng và Bảo tàng Lịch sử Hà Nội); Henri Maspéro (1883 - 1945, người tiên phong và có nhiều đóng góp trong nghiên cứu Đạo giáo); Georges Condominas (1921 - 2011, nhà dân tộc học nổi tiếng mà tên tuổi gắn liền với những nghiên cứu thực địa về dân tộc Mnông Gar ở Tây Nguyên, người phát hiện và công bố bộ đàn đá thời tiền sử được tìm thấy tại Đăk Lăk năm 1949 trong không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên), v.v. (Soạn theo: Bulletin de l' EFEO).

những quan chức thuộc Nội các chính phủ Trần Trọng Kim như Phan Anh, Vũ Văn Hiến, Hoàng Xuân Hãn, v.v.; những “trí thức Tây học” như Nguyễn Văn Huyền, Nghiêm Xuân Yêm, Hoàng Minh Giám, Trịnh Văn Bính, v.v.; những trí thức ở Pháp về như Phạm Quang Lễ, Trần Hữu Tước, Võ Quý Huân, Võ Đình Quỳnh; ở Nhật về như Lương Định Của, Hồ Đắc Di, v.v. hay ở Nga về như Nguyễn Khánh Toàn, v.v. và những tên tuổi lớn khác trong ngành y tế như: Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, Đặng Văn Ngữ, v.v.; trong ngành giáo dục: Ngụy Như Kon Tum, Nguyễn Lân, Nguyễn Thúc Hào, Ngô Thúc Lan, v.v. trong hoạt động khoa học: Trần Đại Nghĩa, Võ Quý Huân, v.v.; trong hoạt động luật pháp: Hồ Đắc Diễm, Vũ Trọng Khánh, v.v. hay trong hoạt động xã hội: giám mục Lê Hữu Từ, nhà tư sản Ngô Tử Hạ, linh mục Phạm Bá Trực, v.v. (Kiều Khải, 2020; Vũ Trung Kiên, 2019).

Trong những năm kháng chiến gian khổ, việc cử thanh niên ra nước ngoài học tập để sau này trở về phục vụ đất nước cũng là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử đất nước.

### **3. Về những đóng góp và những hạn chế, yếu kém của đội ngũ trí thức hiện nay - trách nhiệm xã hội của trí thức, của Đảng và Nhà nước đối với trí thức**

Khi đề cập đến trách nhiệm xã hội là đề cập từ cả hai phía - trách nhiệm của trí thức đối với xã hội và trách nhiệm của xã hội đối với trí thức. Về điều này, cần phải lưu ý rằng, trách nhiệm xã hội của trí thức, của Đảng và Nhà nước đối với trí thức đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng chỉ rất rõ. Theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng, để có được đội ngũ trí thức mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới thì công tác trí thức của Đảng và Nhà nước cần phải chú trọng giải quyết những vấn đề lớn và cấp bách sau:

- Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức.

- Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng.

- Thực sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 167).

Không chỉ đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng mà ngay từ năm 2008, Nghị Quyết Trung ương 7 khóa X đã chỉ rõ, từ phía quản lý vĩ mô, “công tác trí thức” (thuật ngữ của Nghị quyết Trung ương 7) của Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm; đồng thời bản thân đội ngũ trí thức cũng có những hạn chế, yếu kém không nhỏ<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Nghị quyết Trung ương 7 khóa X ngày 06/8/2008 chỉ rõ:

- Trí thức là nguồn lực đặc biệt, tạo nên sức mạnh quốc gia. Đảng và Nhà nước coi trọng, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức hoạt động và phát triển.

- Chưa có chiến lược tổng thể về trí thức. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chưa thể hiện quan điểm lấy khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo làm “quốc sách hàng đầu”. Một số chủ trương, chính sách không sát với thực tế.

Mặc dù vậy, những đóng góp của trí thức trong sự phát triển kinh tế - xã hội cũng không thể phủ nhận hoặc xem nhẹ.

### 3.1. Về những đóng góp của giới trí thức

Khi đánh giá sự đóng góp của trí thức trong phát triển kinh tế - xã hội, dư luận xã hội từ nhiều năm nay thường căn cứ vào những hạn chế của các ngành mà đội ngũ trí thức là lực lượng lao động chủ yếu với những hiện tượng bất bình thường mà một số trí thức đã từng bị kỉ luật hoặc bị phê phán để đưa ra những nhận xét không mấy tích cực về trí thức nói chung. Điều này cũng không quá sai và có ý nghĩa nhất định. Nhưng trên thực tế, sự thiếu hài lòng của xã hội đã tạo ra một cái nhìn thiên lệch về vai trò của trí thức đối với đất nước và xã hội. Do vậy, cần phải có một đánh giá công bằng hơn, thực tế hơn về trí thức, trong khi thể chế, cơ chế và điều kiện cho sự sáng tạo, đóng góp của trí thức còn nhiều bất cập như hiện nay.

Tác giả đưa ra một số gợi ý.

Số lượng và chất lượng trí thức tăng liên tục trong vài thập niên gần đây. Sự thật này không chỉ là sản phẩm của một nhận định sáo rỗng hoặc hình thức. Sự phát triển đất nước ở đâu và bao giờ cũng tỉ lệ thuận với số lượng và chất lượng trí thức tính trên đầu dân.

Đội ngũ trí thức, đặc biệt những trí thức có trình độ cao như giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, thợ lành nghề, v.v. làm việc trong bộ máy quản lí nhà nước; giảng dạy trong hệ thống giáo dục, đặc biệt trong các trường đại học, các trường đảng; cán bộ nghiên cứu trong các viện hàn lâm, các học viện, các văn nghệ sĩ trong các hội chính trị - nghề nghiệp, v.v. với những kết quả trong đào tạo tài năng và nguồn nhân lực chất lượng cao, những công trình sáng tạo và tác phẩm trong nghiên cứu và hoạt động chuyên môn của họ, v.v. trên thực tế đã đóng góp khá thiết thực,

- 
- Hệ thống chính sách về trí thức còn thiếu và chưa phù hợp. Khâu đánh giá, sử dụng trí thức còn nhiều điểm không hợp lí; thiếu những cơ chế thích hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài.
  - Một số cán bộ đảng và chính quyền chưa nhận thức đúng về trí thức; đánh giá, sử dụng trí thức không đúng năng lực và trình độ, ngay cả với những trí thức đầu ngành, dẫn đến tâm tư nặng nề trong đội ngũ trí thức. Vẫn còn hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi trí thức phản biện những chủ trương, chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lí đưa ra.
  - Thiếu chính sách đủ mạnh thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài.
  - Số lượng và chất lượng đội ngũ trí thức chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển đất nước. Trí thức tinh hoa và hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hẫng hụt; chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế.
  - Hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa xuất phát và gắn bó mật thiết với thực tiễn.
  - Trong KHTN và CN, số công trình được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới, số sáng chế được đăng kí quốc tế còn quá ít. Trong Khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu lí luận còn chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra, chưa có những công trình sáng tạo lớn, nhiều công trình còn sơ lược, sao chép. Trong văn hóa, văn nghệ còn ít tác phẩm có giá trị xứng tầm với những thành tựu của đất nước; lí luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế.
  - Trình độ của trí thức tụt hậu so với yêu cầu phát triển đất nước và so với một số nước trong khu vực.
  - Một bộ phận trí thức, kể cả người có trình độ học vấn cao, còn thiếu tự tin, e ngại, sợ bị quy kết về quan điểm, né tránh những vấn đề có liên quan đến chính trị. Một số giám sát đạo đức nghề nghiệp, thiếu ý thức trách nhiệm và lòng tự trọng, có biểu hiện chạy theo bằng cấp, thiếu trung thực và tinh thần hợp tác.

không thể thiếu cho sự vận hành của toàn bộ thể chế, của các bộ, ngành, của nền kinh tế và của toàn bộ đời sống xã hội, v.v.

Khó đánh giá đầy đủ và thật thuyết phục về những đóng góp này. Bởi lẽ, khi thừa nhận sản phẩm chủ yếu của trí thức là trí tuệ thì việc lượng hóa trí tuệ rất dễ thiếu chính xác, thậm chí hơi hợt, phân cảm. Số lượng bài báo quốc tế hay công trình đã công bố (dù vô cùng quan trọng và vẫn được coi là tiêu chuẩn quốc tế của lao động khoa học) cũng không hiếm khi vẫn phản ánh không đúng thực chất đóng góp của trí thức (Xem: San Francisco Declaration). Vấn đề là ở Việt Nam, xã hội sẽ khác, có thể chậm đổi mới hơn, kém phát triển hơn, nếu đội ngũ trí thức nước nhà kém trách nhiệm xã hội hơn, kém nhiệt thành hơn với khát vọng phát triển.

Hầu hết các ngành kinh tế của đất nước hiện nay đều là những ngành có hàm lượng trí thức và công nghệ cao. Tại các ngành này, trí thức là lực lượng lao động chủ yếu hoặc quyết định, lao động giản đơn chiếm tỉ trọng không nhiều trong sản phẩm, thậm chí trong tổng số lao động. Nghĩa là nếu thiếu đội ngũ trí thức đủ trình độ và có chất lượng, thì các ngành này và toàn bộ nền kinh tế của đất nước khó có thể hoạt động bình thường.

Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2022, Việt Nam là một trong ba nền kinh tế dù chỉ ở mức thu nhập trung bình nhưng có tốc độ tăng hiệu suất đổi mới (Innovation Performance) nhanh nhất toàn cầu (Innovation Performance chỉ có thể tăng khi đội ngũ trí thức đủ mạnh và có vị trí trong nền kinh tế)<sup>4</sup>.

Tất nhiên, sự đóng góp của trí thức cũng còn khá xa với kì vọng của xã hội. Sự thực là số người hài lòng với trí thức cũng không thật nhiều. Nhưng đòi hỏi nhiều hơn ở giới trí thức, theo chúng tôi là việc cần phải tính đến thể chế và cơ chế vận hành của toàn bộ đời sống xã hội, mà trước hết, điều mà ai cũng thấy là môi trường xã hội để trí thức lao động sáng tạo còn rất nhiều rào cản không dễ dỡ bỏ hoặc cải thiện. Những trí thức từ nước ngoài về rất khó hoặc không thể làm việc ở Việt Nam là chỉ báo phản ánh thực trạng này.

Từ góc độ chuyên môn, đại đa số trí thức đều có những công trình nghiên cứu, sản phẩm trí tuệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội với mong muốn đất nước phát triển nhanh hơn, tốt hơn và theo hướng dân chủ tiến bộ hơn... (không ít sản phẩm đó lại ra đời trong những điều kiện sáng tạo không hề tối ưu hoặc không thật thuận lợi). Đồng thời, họ cũng là những người sẵn sàng có những ý kiến tư vấn, phản biện đối với các chính sách, quyết sách vĩ mô hay đối với các hiện tượng kinh tế - xã hội có vấn đề. Điều này đôi khi khiến họ thể hiện mình trước xã hội như là những người mà giới quản lí thì cũng không thật muốn gần gũi vì họ “hay có ý kiến”, còn người dân bình thường thì cũng không nghĩ rằng những người này sẽ đứng về phía dân nếu tình huống có vấn đề.

Ở phương Tây, hầu hết các nước đều có một đội ngũ trí thức được gọi không chính thức là “Establishment Intellectual” (trí thức công, trí thức của thể chế), nghĩa là những

<sup>4</sup> Việt Nam xếp vị trí 48/132 quốc gia, nền kinh tế. Dù giảm 4 bậc so với năm 2021 nhưng Việt Nam vẫn giữ vị trí thứ 3 ASEAN, chỉ sau Singapore và Thái Lan (Wipo, 2022).



tri thức có lợi ích gắn với nhà nước và các tổ chức công quyền, làm việc trong các tổ chức công quyền, hoặc cũng có thể không làm việc trong các tổ chức công quyền nhưng luôn có thiên hướng ủng hộ chế độ nhiều hơn. Xuất phát từ hoạt động chuyên môn, tiếng nói của đội ngũ này có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách vĩ mô, các quyết sách của chính phủ và đến cả công luận.

Ở Việt Nam, đội ngũ tri thức làm việc trong bộ máy quản lí nhà nước các cấp, cán bộ giảng dạy trong hệ thống giáo dục, đặc biệt trong các trường đại học, các trường đảng, cán bộ nghiên cứu trong các học viện, các viện hàn lâm, các văn nghệ sĩ trong các hội chính trị - nghề nghiệp... là những người có vai trò đối với chế độ cũng tương tự như tri thức công, hay tri thức của thể chế phương Tây. Có thể đội ngũ này ở Việt Nam còn chiếm tỉ lệ lớn hơn so với các nước tư bản phương Tây.

Nhiều ý kiến cho rằng, từ năm 1959 trở lại đây, cái nhìn xét nét có phần cảnh giác đối với tri thức đã làm nảy sinh tình trạng “việc đánh giá, sử dụng tri thức không đúng năng lực và trình độ, ngay cả với những tri thức đầu ngành, dẫn đến tâm tư nặng nề trong đội ngũ tri thức”, như Nghị Quyết Trung ương 7 khóa X năm 2008 đã nhận định. “Hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi tri thức phản biện” thực sự là khá phổ biến. Tình trạng này lâu dần đã biến tri thức thành những người ít tò thái độ, thiếu trách nhiệm với những biến động của đời sống kinh tế - xã hội.

### **3.2. Về những hạn chế, yếu kém của đội ngũ tri thức**

Những hạn chế, yếu kém không chỉ xảy ra từ một phía (trong việc Đảng và Nhà nước đối xử với tri thức), mà chính đội ngũ tri thức cũng mắc không ít khuyết điểm, sai lầm, thậm chí trong một số trường hợp còn sa vào quỹ đạo của những tệ nạn xã hội.

Hiện nay, không ít tri thức tự cho mình là vô can trước những khuyết tật, sai lầm trong hoạt động khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - nghệ thuật, trong hoạt động y tế, v.v. hoặc trong một số đề án phát triển kinh tế xã hội, v.v. (tức là trong những hoạt động mà giới tri thức thực ra là có trách nhiệm chính và lớn, có vai trò quyết định và có tiếng nói dẫn dắt định hướng dư luận xã hội). Trong khi đó, báo chí và ngay cả tại các diễn đàn của Quốc hội, dư luận đã tỏ ra khá bức xúc với những vấn đề này. Công bằng mà nói thì dư luận xã hội cũng ít nhiều nhìn tri thức bằng con mắt định kiến, khi thấy giáo dục, y tế có quá nhiều vấn đề, nhiều người có bằng cấp, có địa vị mà dường như không có đóng góp gì cho đất nước, trong khi đó những “nhà sáng chế hai lúa” lại tỏ ra có những phát kiến “ích nước lợi dân” hơn, thu hút sự quan tâm của xã hội.

Trong hoạt động giáo dục, không thể nói là không phổ biến (cả ở giáo dục phổ thông, đại học, sau đại học và dạy nghề) tình trạng chất lượng giáo dục kém, kể cả trong đào tạo ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các vấn nạn “mua bằng bán điểm”, ưa giả dối, thậm chí giả dối trong khoa học công bố quốc tế, “thầy không ra thầy, trò không ra trò”, v.v. đã được xã hội lên tiếng từ lâu nhưng ít thấy chuyển biến. Liêm chính khoa học hiện đang trở thành vấn đề nóng, được cả xã hội quan tâm.

Trong hoạt động y tế, chỉ trong hai năm gần đây, các vụ án lớn đã phanh phui quá nhiều hiện tượng không bình thường mà “luơng y” không “như từ mẫu”, bác sĩ không cứu người, thầy thuốc còn tệ hơn gian thương, v.v.

Không chỉ trong y tế, giáo dục mà ở nhiều hoạt động khác, thái độ thiếu nhiệt huyết với sáng tạo, những hành vi vụ lợi đôi khi lấn át chuyên môn, háo danh một cách không bình thường, v.v. không khó bắt gặp trong rất nhiều hoạt động trí tuệ. Không ít trí thức có vị thế xã hội vẫn sẵn sàng công bố những tác phẩm thiếu chất lượng chuyên môn, thậm chí phùng thời (dù có chi số quốc tế nhưng chẳng đúng, chẳng sai, vừa lòng cấp trên, đón ý lãnh đạo, v.v.). Những trí thức ập ù những sáng tạo có giá trị, những tác phẩm để đời, những kết quả chuyên môn có ý nghĩa lớn hoặc dài lâu đối với sự phát triển xã hội, trên thực tế, đếm đầu ngón tay. Rất ít người có ý chí hay đặt mục tiêu cho mình phấn đấu trở thành một chuyên gia tầm cỡ quốc tế. Cũng không phải trí thức nào cũng sống và hoạt động theo tinh thần “Quốc gia phể hưng, thất phu hữu trách” - sẵn sàng có tiếng nói để xã hội tốt lên.

Trong những hạn chế, khiếm khuyết, tiêu cực vừa nêu, trí thức thực ra là tội đồ, nhưng số đông lại đang nghĩ mình là vô can. Những người có trách nhiệm hay tỏ thái độ đối với những hạn chế tiêu cực ấy, rất ít. Điều đáng lưu ý (về mặt trách nhiệm xã hội của trí thức) là ở chỗ, do quan niệm, những người đã bị xử lý trách nhiệm đều là những người có chức quyền thuộc tổ chức Đảng hoặc chính quyền, hành vi tiêu cực hoặc tội phạm của những cá nhân cụ thể đó chẳng liên quan gì đến giới trí thức. Do vậy, số đông trí thức còn lại tự bằng lòng khi thấy mình không có gì vi phạm.

Thực tế này rất đáng phải suy ngẫm.

#### 4. Kết luận

Xã hội ngày càng phát triển, trí thức cũng ngày càng được kì vọng từ phía xã hội. Muốn đất nước phát triển đạt tới những mục tiêu đã đề ra, tiềm năng trí thức Việt cần phải được phát huy; những hạn chế, yếu kém của đội ngũ trí thức cần phải được khắc phục hoặc xóa bỏ; môi trường cho trí thức sống, hoạt động và sáng tạo cần phải hợp lí hơn hiện nay, phù hợp với đòi hỏi của hoạt động trí tuệ.

Nói cách khác, muốn đất nước đạt được những mục tiêu kì vọng tới năm 2030 và 2045 như Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định, xã hội không nên bằng lòng với tình trạng hiện nay của giới trí thức. Nhìn từ phía trách nhiệm xã hội, điều đó cũng có nghĩa rằng, xã hội cũng không nên thỏa mãn với môi trường hoạt động của giới trí thức như hiện nay.

#### Tài liệu tham khảo

1. Арон Р. 2005. *Опиум интеллектуалов. Логос*. No 6(51).
2. “Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient”, (<https://www.persee.fr/collection/befeo>).
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2008. Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, ngày 06/8/2008. “Xây dựng đội ngũ trí thức thời kì công nghiệp hóa”, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-27-NQ-TW-nam-2008-xay-dung-doi-ngu-tri-thuc-thoi-ky-cong-nghiep-hoa-139254.aspx>).

5. Heyck T.W. 1982. *The Transformation of Intellectual Life in Victorian England*. London.
6. Nguyễn Đức Hiệp. 2022. “Nghiên cứu khoa học ở Hoàng Sa và Trường Sa thời Pháp thuộc”, (<https://usvietnam.uoregon.edu/nghien-cuu-khoa-hoc-o-hoang-sa-va-truong-sa-thoi-phap-thuoc/>).
7. Huỳnh Chương Hưng. 2015. “Thất phu hữu trách”, (<https://www.chuonghung.com/2015/01/dich-thuat-that-phu-huu-trach.html>).
8. Trần Hưng. 2021. “Thời vua Minh Mạng, lãnh thổ Việt Nam rộng gấp 1,7 lần hiện nay”, (<https://trithucvn.org/van-hoa/thoi-nha-nguyen-ky-19-lanh-tho-viet-nam-rong-lon-gap-17-lan-hien-nay.html>).
9. Intellectuel (in Larousse), (<https://www.larousse.fr/encyclopedie/divers/intellectuel/61879>).
10. Kiều Khải. 2020. “Bài học trọng dụng nhân tài kiến quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, (<https://thanhnien.vn/bai-hoc-trong-dung-nhan-tai-kien-quoc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-185956130.htm>).
11. Vũ Trung Kiên. 2019. “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về trọng dụng trí thức và những gợi mở cho hôm nay”, (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/nghien-cuu-hoc-tap-tu-tuong/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-trong-dung-tri-thuc-va-nhung-goi-mo-cho-hom-nay-3481>).
12. Лихачев Д.С. 1993. О русской интеллигенции. Письмо в редакцию. Новый Мир. No. 2. с. 3-9. (<http://lib.ru/POLITOLOG/lihachev.txt>).
13. Vũ Đức Liêm. 2018. “Thế hệ trí thức thời đại Minh Mệnh”, (<https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/the-he-tri-thuc-thoi-dai-minh-menh-11262>).
14. Lipset S.M., Dobson R.B. 1972. *The Intellectual as Critic and Rebel. With special reference to the United States and the Soviet Union // Daedalus. Vol.101. N 3. с. 164.*
15. Ngô Thế Long, Trần Thái Bình. 2009. *Học viện Viễn Đông bác cổ (Giai đoạn 1898 - 1957)*. Nxb. Khoa học xã hội.
16. Russel B., Power. A. 1957. *New Social Analysis*. L.: Allen&Unwin.
17. “San Francisco Declaration on Research Assessment (DORA)”, (<https://sfdora.org/read/>).
18. Sartre, J.P. (Folio Essais). Cohen-Solal, Annie, Gallimard. 1989. *Pub.*
19. Shiels E. 1970. *The Intellectuals and the Powers: Some perspectives of Comparative Analysis // On Intellectuals*. N.Y.: Garden City.
20. Hoàng Tuy. 2008. “Để có lớp trí thức xứng đáng”, (<https://tiasang.com.vn/dien-dan/de-co-lop-tri-thuc-xung-dang-2572/>).
21. Wipo. 2022. *Global Innovation Index 2022*.
22. Wrona, A. 2021. “The Dreyfus affair and the image of the intellectual”. In : D. Kalifa and P. Régnier, ed., *La Civilisation du Journal*. Paris: Nouveau Monde éditions, 771-743, (<https://intellectualsandthedia.org/2021/12/11/the-dreyfus-affair-and-the-image-of-the-intellectual/>).